

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2016/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
Về Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Phú Yên
giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13, ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13, ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP, ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Quyết định số 293/QĐ-TTg, ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, ngày 27/12/2008 của Chính phủ;

Quyết định số 551/QĐ-TTg, ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 76/TTr-UBND, ngày 05/7/2016 của UBND tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hoá - xã hội của HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Chương trình Giảm nghèo bền vững tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016 - 2020”, với những nội dung cơ bản như sau:

1. Phân đấu đến năm 2020 đạt các chỉ tiêu cơ bản sau :

- Bình quân mỗi năm giảm 2% tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn hộ nghèo giai đoạn 2016 - 2020; riêng các xã nghèo, huyện nghèo giảm bình quân 4%/năm; phân đấu đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn dưới 3%.

(Kèm theo Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2016 - 2020).

- Cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, cận nghèo bảo đảm thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng lên 2 lần so với cuối

năm 2015 (riêng các hộ nghèo ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, buôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi tăng gấp 1,5 lần).

2. HĐND Tỉnh nhấn mạnh một số vấn đề sau đây:

- Giảm nghèo bền vững là một trong những vấn đề xã hội rất quan tâm, phải được triển khai thực hiện theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XVI đã đề ra. Đây là nhiệm vụ quan trọng và có ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc; do vậy, các cấp, các ngành và hội, đoàn thể trong tỉnh, tập trung huy động mọi nguồn lực, phấn đấu sớm đưa Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống.

- Đảm bảo tính xã hội hóa cao, nhằm huy động sức mạnh của cộng đồng xã hội để hỗ trợ có hiệu quả cho người lao động, người nghèo, hộ nghèo và vùng nghèo trong tỉnh. Đồng thời, cần thực hiện tốt việc lồng ghép các chính sách, chương trình để giúp cho người nghèo có điều kiện tổ chức sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập ổn định đời sống, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

- Đảm bảo cân đối nguồn kinh phí địa phương phân bổ hàng năm cho hoạt động của chương trình có hiệu quả.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2016.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Luật định, tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2016./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH PHÚ YÊN
giai đoạn 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 42/2016/NQ-HĐND,
ngày 15 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh Phú Yên)*

I. Tên chương trình, cơ quan quản lý, thời gian, phạm vi và đối tượng thụ hưởng

1. Tên chương trình: Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016-2020.

2. Cơ quan quản lý: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

3. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2016-2020.

4. Phạm vi và đối tượng thụ hưởng

4.1. Phạm vi thực hiện: Chương trình được thực hiện trên phạm vi cả tỉnh, trong đó ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho người/hộ nghèo, người/hộ cận nghèo, người/hộ mới thoát nghèo, người/hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn trọng điểm sau:

- Huyện nghèo (theo Quyết định số 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ);
- Xã nghèo bao gồm:
 - + Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;
 - + Xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi;
- Thôn, buôn đặc biệt khó khăn.

4.2. Đối tượng thụ hưởng

Người/hộ nghèo, người/hộ cận nghèo, người/hộ mới thoát nghèo, người/hộ dân tộc thiểu số và người dân, cộng đồng trên địa bàn thực hiện chương trình, ưu tiên đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ.

4.3. Đối tượng thực hiện

- Các sở, ngành, địa phương, đơn vị được giao nhiệm vụ để thực hiện các dự án, hoạt động của Chương trình;
- Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, trưởng, phó thôn, buôn, khu phố và cán bộ đoàn thể.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn nghèo, tạo điều kiện

cho người nghèo, hộ nghèo tại các địa bàn nghèo tiếp cận một cách tốt nhất đến các dịch vụ xã hội cơ bản.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Bình quân mỗi năm giảm 2% tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới; riêng các xã nghèo, huyện nghèo giảm bình quân 4%/năm; Phấn đấu đến cuối năm 2020, giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3%. (có bảng tổng hợp kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 đính kèm).

- Cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, cận nghèo bảo đảm thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng lên 2 lần so với cuối năm 2015 (riêng các hộ nghèo ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, buôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi tăng gấp 1,5 lần).

2. Các chỉ tiêu cần đạt được đến năm 2020

Chỉ tiêu 1: Phấn đấu 50% số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn theo tiêu chí; 30% số xã, thôn buôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn theo tiêu chí.

Chỉ tiêu 2: 192.800 lượt hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay mới từ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, trong đó vay vốn phát triển sản xuất 114.120 lượt hộ; vay vốn hỗ trợ học tập 71.450 lượt hộ; vay xóa nhà ở tạm và phòng chống bão lụt 2.001 hộ và cho vay phát triển rừng 5.300 hộ.

Chỉ tiêu 3: Ít nhất 6.600 lượt hộ nghèo được hỗ trợ phát triển sản xuất và tập huấn về khuyến nông-lâm-ngư, chuyên giao kỹ thuật và hỗ trợ phương tiện, giống vật nuôi, cây trồng để phát triển sản xuất (bình quân mỗi năm 1.320 hộ).

Chỉ tiêu 4: 100% người thuộc diện hộ nghèo, nhân dân sinh sống tại các xã ĐBKK, đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn được cấp thẻ BHYT và 90% người thuộc hộ gia đình cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế.

Chỉ tiêu 5: Hỗ trợ 1,750 hộ nghèo xóa nhà ở tạm.

Chỉ tiêu 6: Trên 95% số trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trong độ tuổi đi học được đến trường.

Chỉ tiêu 7: 100% xã thuộc phạm vi của Chương trình có cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cô động;

Chỉ tiêu 08: 100% cán bộ, công chức xã, trưởng thôn, buôn và cán bộ đoàn thể được tập huấn một số kiến thức cơ bản về kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án; lập kế hoạch có sự tham gia; và xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng...

3. Giải pháp thực hiện giảm nghèo bền vững

3.1. Nhóm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo phát triển sản xuất, cải thiện thu nhập

a) Chính sách tín dụng cho hộ nghèo

- Nội dung thực hiện: Cho vay tín dụng ưu đãi phát triển sản xuất, Chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên và cho vay xóa nhà ở tạm cho hộ nghèo.

- Đối tượng cho vay: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

- Kế hoạch thực hiện:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất: Cho vay lượt 114.120 hộ. Tổng dư nợ đến cuối năm 2020 đạt 1.389 tỷ đồng.

+ Đối với cho vay hỗ trợ học sinh, sinh viên: Cho vay lượt 71.450 sinh viên. Tổng dư nợ đến cuối năm 2020 đạt 410 tỷ đồng.

+ Đối với cho vay hỗ trợ xóa nhà ở tạm; nhà ở phòng chống bão lụt: Cho vay 2.001 lượt hộ. Tổng dư nợ đến cuối năm 2020 đạt 75 tỷ đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: CN Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

+ Cơ quan phối hợp: Các tổ chức hội đoàn thể, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục - Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b) Xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững

- Mục tiêu: Hộ nghèo tham gia mô hình chậm nhất trong 03 năm phải thoát nghèo bền vững.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng một số mô hình giảm nghèo bền vững, nhằm giúp cho một bộ phận hộ nghèo phát huy nguồn lực tại chỗ, đầu tư sản xuất, lựa chọn giống và vật nuôi cây trồng có năng suất cao, phù hợp với lợi thế vùng sinh thái, tạo việc làm tại chỗ, tăng thu nhập, giúp hộ gia đình vượt nghèo bền vững.

+ Nhân rộng các mô hình giảm nghèo đã được thử nghiệm thành công khác do các địa phương hoặc các tổ chức quốc tế đã thực hiện.

- Đối tượng : Hộ nghèo có nguồn nhân lực và các điều kiện khác để triển khai mô hình nhưng thiếu vốn, thiếu kiến thức tổ chức sản xuất và sự liên kết trong sản xuất và tiêu thụ.

- Kế hoạch thực hiện: Tổng số hộ tham gia dự án 1.200 hộ.

- Kinh phí thực hiện: 10.000 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ : 5.000 triệu đồng.

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ 5.000 triệu đồng (mỗi năm 1.000 triệu đồng, bằng với mức hỗ trợ theo Nghị quyết 24/2011/NQ-HĐND tỉnh giai đoạn 2011-2015).

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp-PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã nghèo ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

- Địa bàn thực hiện: Năm 2016 tiếp tục triển khai thực hiện 12 xã nghèo đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển gồm: Xã Hòa Hiệp Nam, xã Hòa Tâm huyện Đông Hòa; xã An Chấn, xã An Hòa, xã An Ninh Đông, xã An Cư, xã An Hiệp, xã An Ninh Tây và xã An Hải huyện Tuy An; xã Xuân Thọ 2, xã Xuân Phương, xã Xuân Thịnh thị xã Sông Cầu. Từ năm 2017 – 2020 sẽ triển khai thực hiện tại các địa bàn theo quyết định phê duyệt của Chính phủ.

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện đầu tư và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu tại địa bàn dự án theo danh mục phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng cơ sở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

+ Xây dựng cơ chế lồng ghép giữa nguồn vốn hỗ trợ của chương trình với các nguồn vốn từ các chương trình phát triển kinh tế xã hội khác như chương trình nông thôn mới,

- Kinh phí thực hiện: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ. Định mức và cơ chế thực hiện đúng theo văn bản hướng dẫn của trung ương .

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan thực hiện, phối hợp: UBND các huyện, thị xã, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Xây dựng, Tài chính.

d) Đề án phát triển kinh tế-xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững cho 02 huyện nghèo theo Quyết định 293/QĐ-TTg cơ chế Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP

- Địa bàn thực hiện: Huyện Sông Hinh và huyện Đồng Xuân.

- Nội dung:

+ Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh.

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng cơ sở các huyện nghèo.

- Thời gian thực hiện: 2016-2017.

- Kinh phí thực hiện: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Đề án được duyệt.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Ban Dân tộc tỉnh.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND huyện Sông Hinh và UBND huyện Đồng Xuân.

e) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và nâng cao năng lực các xã đặc biệt khó khăn; các thôn đặc biệt khó khăn (Chương trình 135)

- Nội dung:

+ Hỗ trợ đầu tư, tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn; các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng cơ sở ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

+ Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn; các thôn bản đặc biệt khó khăn.

- Địa bàn thực hiện: 18 xã và 30 thôn (có danh sách đính kèm)

- Kế hoạch kinh phí: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Ban Dân tộc

+ Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp-PTNT, Sở Tài chính, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã có xã, thôn đặc biệt khó khăn.

g) Chính sách hỗ trợ sản xuất, tăng thu nhập, đa dạng hóa sinh kế, giảm nghèo dựa vào cộng đồng trên địa bàn các xã nghèo ĐBKK vùng bãi ngang ven biển, Chương trình 30a và Chương trình 135

- Nội dung:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, hàng hóa gồm: Giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn gia súc; Máy móc, thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; Chi phí

làm chuồng trại chăn nuôi, ao nuôi, lồng bè, sân phơi, cát sẫm, kho chứa, bạt; Chi phí tiêm phòng gia súc.

+ Xây dựng một số mô hình giảm nghèo bền vững, nhằm giúp cho một bộ phận hộ nghèo phát huy nguồn lực tại chỗ, đầu tư sản xuất, lựa chọn giống và vật nuôi cây trồng có năng suất cao, phù hợp với lợi thế vùng sinh thái, tạo việc làm tại chỗ, tăng thu nhập, giúp hộ gia đình vượt nghèo bền vững.

- Kinh phí thực hiện: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

+ Cơ quan phối hợp: Ban Dân tộc, Sở Tài chính, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã có xã, thôn đặc biệt khó khăn.

3.2. Tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội

a) Chính sách hỗ trợ về y tế

- Nội dung thực hiện:

+ Cấp thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho người nghèo, cận nghèo (nhóm đối tượng theo Quyết định 705/QĐ/TTg) và đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) đang sinh sống tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và người dân đang sinh sống tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (ĐBKK).

+ 4.2.1. Hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho người thuộc diện hộ cận nghèo (không bao gồm đối tượng nhà nước hỗ trợ 100% chi phí mua thẻ BHYT theo quyết định 705/QĐ-TTg). Trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ 70% kinh phí mua BHYT, ngân sách tỉnh hỗ trợ 20% kinh phí mua BHYT và người thuộc diện cận nghèo tham gia đóng góp 10%.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo và đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo.

- Kế hoạch thực hiện: mỗi năm thực hiện 305.000 người, trong đó:

+ Người nghèo, đồng bào DTTS vùng khó khăn và Người dân sống vùng ĐBKK: 245.000 người.

+ Người thuộc diện cận nghèo: 60.000 người, trong đó: Người cận nghèo không thuộc diện hỗ trợ 100% chi phí BHYT theo Quyết định 705/QĐ-TTg là 25.000 người.

- Kinh phí thực hiện: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ. Riêng đối với ngân sách tỉnh hỗ trợ 20% chi phí BHYT cho hộ cận nghèo trong 5 năm là:

$25.000 \text{ người} \times 621.000 \text{ đ/người/năm} \times 20\% \times 5 \text{ năm} = 15.525 \text{ triệu đồng.}$

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.

+ Cơ quan phối hợp: Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Ban Dân tộc và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b) Chính sách hỗ trợ về giáo dục

- Nội dung thực hiện: Triển khai thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

- Kế hoạch thực hiện: Số học sinh được hỗ trợ hàng năm là: 31.500 học sinh. Trong đó: Miễn giảm học phí: 17.100 học sinh; Hỗ trợ chi phí học tập: 14.400 học sinh.

- Ngân sách thực hiện: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Ban Dân tộc và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Chính sách hỗ trợ xóa nhà ở tạm cho hộ nghèo

- Nội dung thực hiện: Thực hiện hỗ trợ xóa nhà ở tạm cho hộ nghèo, đảm bảo đạt chuẩn theo qui định của Bộ Xây dựng.

- Đối tượng: Là hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020, có tên trong danh sách hộ nghèo do UBND cấp xã quản lý và là hộ độc lập có thời gian tách hộ tối thiểu là 05 năm.

- Điều kiện hỗ trợ: Thỏa mãn các điều kiện sau đây:

+ Chưa có nhà ở, đang ở nhờ hoặc thuê; hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, dột nát, có nguy cơ sập đổ, hiện không ở được và không có khả năng tự cải thiện nhà ở;

+ Chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác. Trường hợp đã được hỗ trợ xây dựng nhà ở nhưng có thời gian từ 08 năm trở lên tính đến thời điểm nhận hỗ trợ, hiện nay nhà ở đã hư hỏng, dột nát hoặc có nguy cơ sập đổ thì vẫn được xem xét hỗ trợ.

Riêng đối với những hộ gia đình nghèo cao tuổi, nhưng vẫn còn con có nhà ở ổn định và đang sinh sống cùng địa bàn thì không hỗ trợ.

- Mức hỗ trợ: 40 triệu đồng/hộ. Riêng đối với hộ nghèo có tên trong danh sách hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thì ngoài mức hỗ trợ nêu trên được vay ưu đãi vốn ngân hàng chính sách xã hội với mức tối đa 25 triệu đồng để xây dựng nhà ở.

- Kinh phí thực hiện: Từ Quỹ ngày vì người nghèo các cấp. Riêng ngân sách tỉnh bổ sung quỹ xóa nhà tạm cho hộ nghèo mỗi năm 2.000 triệu đồng.

- Kế hoạch thực hiện: 1.750 hộ, trong đó:

+ Quỹ ngày vì người nghèo các cấp và các nguồn huy động khác do Ủy ban Mặt trận TTQVN tỉnh quản lý: 1.000 hộ.

+ Quỹ xóa nhà ở tạm tỉnh: 250 hộ.

+ Nguồn vốn huy động khác: 500 hộ.

- Tổ chức thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công tác xóa nhà ở tạm trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh và HĐND tỉnh. Chủ trì triển khai thực hiện Quỹ xóa nhà ở tạm của tỉnh.

+ Sở Xây dựng: Chủ trì hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Chủ trì hỗ trợ xây dựng nhà ở đối với Quỹ Ngày vì người nghèo và các nguồn huy động khác do Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh quản lý.

d) Chính sách truyền thông giảm nghèo và giảm nghèo về thông tin

- Hoạt động truyền thông về giảm nghèo

Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến các kinh nghiệm, gương điển hình;

+ Xây dựng, phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo từ tỉnh tới địa phương, cơ sở;

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

+ Phát triển, tăng cường hoạt động Trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Kinh phí thực hiện: Do nguồn ngân sách trung ương.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

+ Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin truyền thông, các cơ quan thông tin đại chúng, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Hoạt động giảm nghèo về thông tin

Nội dung:

+ Đào tạo kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông tại cơ sở;

+ Hỗ trợ phương tiện nghe, xem cho các hộ nghèo tại các đảo xa bờ, vùng sâu, vùng xa;

+ Trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động tại huyện, xã;

+ Xây dựng các điểm tuyên truyền, cổ động cố định ngoài trời;

- Kinh phí thực hiện: Do nguồn ngân sách trung ương.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và truyền thông

+ Cơ quan phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

3.3. Nâng cao năng lực và nhận thức**a) Dự án đào tạo cán bộ làm công tác giảm nghèo**

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, thôn và cán bộ các hội đoàn thể.

+ Tổ chức cho các thành viên Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp, thành viên tổ chuyên viên giúp việc tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ do các Bộ, ngành Trung ương tổ chức về đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo. Đồng thời tổ chức các đợt trao đổi, học tập kinh nghiệm ở một số tỉnh thành có nhiều mô hình hiệu quả trong công tác giảm nghèo.

- Kinh phí thực hiện: Do nguồn ngân sách Trung ương.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Các tổ chức hội đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, TP.

b) Hoạt động giám sát đánh giá dự án

- Nội dung thực hiện:
 - + Xây dựng khung theo dõi giám sát, đánh giá chính sách giảm nghèo theo các mục tiêu, chỉ tiêu của chương trình;
 - + Xây dựng kế hoạch và phân công thành viên Ban chỉ đạo tỉnh tổ chức việc theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo hàng năm ở các cấp;
 - + Theo dõi, giám sát đánh giá chương trình.
- Kế hoạch kinh phí thực hiện: Do nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ.
- Tổ chức thực hiện:
 - + Cơ quan chủ trì: Sở Lao động- Thương binh và Xã hội.
 - + Cơ quan phối hợp: Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp, tổ chuyên viên giúp việc BCD.

c) Hoạt động quản lý chương trình

Tiếp tục thực hiện các nội dung theo dõi quản lý chương trình như Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về phê duyệt chương trình mục tiêu việc làm và giảm nghèo giai đoạn 2011-2015, cụ thể là:

- Nội dung thực hiện:
 - + Điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm làm cơ sở để thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Thiết lập cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo, nâng cao năng lực vận hành hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá và cập nhật thông tin về giảm nghèo.
 - + Tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết, đánh giá giữa kỳ và tổng kết 5 năm thực hiện Đề án.
 - + Kiện toàn Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp và tổ chuyên viên giúp việc cho Ban chỉ đạo cấp tỉnh. Tiếp tục duy trì 02 cán bộ hợp đồng chuyên trách làm công tác giảm nghèo cấp tỉnh. Củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã. Mỗi xã có 01 cán bộ làm công tác giảm nghèo (kiêm nhiệm).
 - + Mức phụ cấp cho thành viên Ban chỉ đạo giảm nghèo và tổ chuyên viên cấp tỉnh:
 - Ban chỉ đạo cấp tỉnh và tổ chuyên viên giúp việc cấp tỉnh 150.000 đồng/người/tháng.
 - Ban chỉ đạo cấp huyện, thị xã, thành phố và tổ chuyên viên giúp việc: 100.000 đồng/người/tháng.
 - Phụ cấp kiêm nhiệm cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã: 350.000 đồng/người/tháng.
- Kinh phí thực hiện: 1.338 triệu đồng/năm x 5 năm = 6.694 triệu đồng. Trong đó:
 - + Ngân sách tỉnh: 3.170 triệu đồng.
 - + Ngân sách huyện, thị xã, thành phố: 3.524 triệu đồng (chi hoạt động Ban chỉ đạo cấp huyện, thị xã, thành phố và tổ chuyên viên giúp việc và phụ cấp kiêm nhiệm cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã).
- Tổ chức thực hiện:
 - + Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
 - + Cơ quan phối hợp: Thành viên BCD tỉnh, UBND các huyện, TX, TP.

4. Kinh phí thực hiện

Căn cứ hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết của HĐND tỉnh, hàng năm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp cùng các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán ngân sách gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh, báo cáo HĐND tỉnh xem xét phê duyệt, đồng thời báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí ngân sách Trung ương để triển khai thực hiện.

- Ngân sách Trung ương: Thực hiện theo nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương và các chính sách hiện hành về giảm nghèo bền vững.

- Ngân sách tỉnh: 29.804 triệu đồng (bình quân mỗi năm 5.961 triệu đồng).

- Ngân sách huyện: 3.524 triệu đồng.

- Huy động khác: 71.634 triệu đồng.

(có bảng tổng hợp đính kèm)

Giảm nghèo bền vững là một trong những vấn đề xã hội rất quan tâm, chương trình được triển khai thực hiện thông qua hệ thống chính sách cụ thể, vì thế cần có sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, các tổ chức hội, đoàn thể và sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là sự nỗ lực vươn lên của chính bản thân người nghèo. Để đạt được mục tiêu đề ra, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức chỉ đạo và triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên, tạo nên một phong trào sâu rộng trong tất cả các cấp, các ngành, tổ chức đoàn thể và nhân dân về công tác giảm nghèo, đồng thời rất mong sự quan tâm giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương, tạo điều kiện thuận lợi để Phú Yên hoàn thành tốt mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI đã đề ra, phấn đấu đưa Nghị quyết của Đảng nhanh chóng đi vào cuộc sống./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

**BẢNG TỔNG HỢP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ LÒNG GHÉP THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH PHÚ YÊN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

48

STT	Nội dung, chính sách, đề án	Tổng kinh phí (không tính nguồn trung ương hỗ trợ)	Chia ra theo các nguồn				Ngân sách tỉnh bổ sung hàng năm	Cơ quan chủ trì
			TW (theo mức phê duyet và phân bổ)	Địa phương		Huy động khác		
				Tỉnh	Huyện/xã			
	Tổng kinh phí	101,802	x	34,505	3,524	68,167	6,901	
I	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng		x			0		
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu xã nghèo bãi ngang ven biển	Thực hiện theo mức phân bổ của trung ương	x					Sở lao động TBXH
2	Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu 02 huyện nghèo theo QĐ 293		x					Ban dân tộc
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã ĐBKK; các thôn ĐBKK (CT 135)		x					Ban dân tộc
II	Hỗ trợ PTSX, nhân rộng mô hình giảm nghèo, đa dạng hóa sinh kế		5,000		5,000		0	1,000
1	Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững	5,000	x	5,000			1,000	Sở lao động TBXH
2	Dự án Hỗ trợ sản xuất, tăng thu nhập, đa dạng hóa sinh kế các xã nghèo ĐBKK vùng bãi ngang ven biển; địa bàn thuộc Chương trình 30a và Chương trình 135	0	x					Sở Nông nghiệp và PTNT
III	Các chính sách về giảm nghèo	94,502		26,335		68,167	5,267	
1	Hỗ trợ Y tế	24,502	x	16,335		8,167	3,267	Sở Y tế
2	Hỗ trợ xóa nhà ở tạm cho hộ nghèo	70,000		10,000		60,000	2,000	Sở lao động TBXH
III	Nâng cao năng lực và nhận thức	Thực hiện theo mức phân bổ của trung ương						
1	Đào tạo cán bộ làm công tác giảm nghèo							Sở lao động TBXH
								Sở lao động TBXH

CỘNG BẢO/Số 35+36/Ngày 17/8-2016

2	Giám sát, đánh giá chương trình							
3	Truyền thông giảm nghèo, giảm nghèo thông tin						Sở lao động TBXH	
3.1	Truyền thông giảm nghèo						Sở Thông tin và truyền thông	
3.2	Giảm nghèo thông tin							
IV	Giám sát đánh giá, quản lý chương trình	2,300		3,170	3,524		634	
1	Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo	4,394		870			174	
1.1	Hợp đồng 02 cán bộ làm công tác giảm nghèo	590		590			118	Sở lao động TBXH
1.2	Phụ cấp BCD giảm nghèo tỉnh và tổ chuyên viên	280		280			56	Sở lao động TBXH
1.3	Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp huyện	3,524			3,524			UBND huyện
2	Quản lý, theo dõi, sơ kết, tổng kết chương trình	500		500			100	Sở lao động TBXH
3	Điều tra hộ nghèo, cận nghèo	1,800		1,800			360	Sở lao động TBXH

CỘNG HÒA VIỆT NAM
Số 35+36/Ngày 17-8-2016